

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**Bản án số: 87/2019/HS-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2019**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 103/2019/TLST-HS, ngày 06 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T (T Sữ), sinh năm 1989 tại L, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị S; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ, học hết lớp 6 nghỉ. Ngày 21 tháng 9 năm 2010 bị Ủy ban nhân dân thành phố L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng, đến ngày 19 tháng 8 năm 2012, chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23 tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Lê Thị Kiều T, sinh năm 1984.

+ Địa chỉ: khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 2000.

+ Địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Anh Trần Thanh L, sinh năm 1976.

+ Địa chỉ: khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 23 tháng 5 năm 2019, Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô biển số 67D1-734.00 đến phường M, thành phố L tìm tài sản lấy trộm. Khi đi qua nhà của anh Trần Thanh L và chị Lê Thị Kiều T tại khóm A thuộc phường M, T phát hiện trong nhà có dựng chiếc xe mô tô Honda Air Blade, biển số 67B2-002.20 nhưng không rút chìa khóa. L dụng sơ hở này, T đậu xe mô tô 67D1-734.00 cách đó khoảng 50m rồi vào lấy trộm xe mô tô 67B2-002.20 điều khiển đến thành phố C, tỉnh An Giang tìm nơi tiêu thụ xe. Khi đến xã B, huyện C, tỉnh An Giang thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện C kiểm tra hành chính, T mở cốp xe lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lê Thị Kiều T đưa cho Công an. Do không chính chủ nên khi Công an hỏi thì T cho biết xe mượn của người khác, sau đó T khai nhận lấy trộm ở thành phố L nên Công an huyện C chuyển giao vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L ra Lệnh bắt giữ người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại khóm Đ, phường M, thành phố L phát hiện thu giữ 01 chìa khóa ông điều số 8 bằng kim loại, 01 đoạn kim loại dài 03cm có 01 đầu hình lục giác, 01 đầu dẹp.

Vật chứng thu giữ gồm: Xe mô tô biển số 67B2-002.20, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67B2-002.20 mang tên Lê Thị Kiều T, xe mô tô biển số 67D1-734.00, số khung RPDWCHNPD5A009819, số máy: VTMJL 139FMB001475.

* Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 106/KL.HĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Tp. L, xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade Việt Nam, biển số 67B2-002.20, trị giá 36.340.000đ.

* Kết luận giám định số 61/KLGT-PC09 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang xác định: Xe mô tô màu đen đỏ, gắn biển số 67D1-734.00, số khung RPDWCHNPD5A009819, số máy: VTMJL 139FMB001475 không bị cắt tháo, không bị đục sửa.

* Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh An Giang xác định:

- Không tìm thấy dữ liệu tra cứu đối với xe mô tô có số khung RPDWCHNPD5A009819, số máy: VTMJL 139FMB001475.

- Xe mô tô biển số 67D1-734.00 có số khung RLHJA390XHY436969, số máy JA39E0412114, chủ xe Nguyễn Đức L.

Cáo trạng số: 104/CT-VKS, ngày 05/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố

L, truy tố Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị Kiều T đã nhận lại xe và giấy chứng nhận đăng ký xe nên chị T và anh L không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu đen, đã qua sử dụng; Tịch thu sung công quỹ 01 xe mô tô màu đỏ đen, số khung: RPDWCHNPD5A009819, số máy: VTMJL139FMB001475 đã qua sử dụng; Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa ổng điều số 8 bằng kim loại, 01 đoạn kim loại dài khoảng 03 cm 01 đầu hình lục giác, đầu còn lại hình dẹp đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành T khai nhận lợi dụng sơ hở của anh L, chị T để lấy trộm xe mô tô Honda Air Blade, biển số 67B2-002.20 dựng trước nhà khóm A, phường M, thành phố L như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt bị cáo thống nhất, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo đã ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại chị Lê Thị Kiều T và anh Trần Thanh L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh chị là vợ chồng, xe mô tô biển số 67B2-002.20 do chị T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Chị T đã nhận lại xe và giấy chứng nhận đăng ký xe nên anh chị không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa, chị T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T được sớm đoàn tụ gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức L trình bày: Khoảng tháng 3 năm 2018, anh L mua và đứng tên trong giấy chứng nhận xe mô tô biển số 67D1-734.00. Ngày 14 tháng 5 năm 2019, anh L để xe mô tô tại tiệm game H thuộc xã B, huyện C, tỉnh An Giang thì bị mất trộm nên anh đến Công an xã B trình báo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiếu nại cũng không có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình điều tra đã thu thập lời khai của anh L về việc mất trộm, nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án. Xét thấy, quá trình điều tra anh L đã cung cấp lời khai phù hợp với nội dung, diễn biến sự việc lấy trộm ngày 23/5/2019 nên việc vắng mặt của anh L tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Các chứng cứ xác định có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án, phù hợp lời trình bày của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và còn phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Đã đủ căn cứ xác định vào ngày 23 tháng 5 năm 2019 bị cáo Nguyễn Thành T lợi dụng sơ hở của chị Lê Thị Kiều T và anh Trần Thanh L để lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 67B2-002.20. Qua định giá xác định được giá trị là 36.340.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy, bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, có sức khỏe để tìm việc làm chính đáng, tạo ra thu nhập lo cho bản thân và gia đình. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà không phải lao động mệt nhọc, nên bị cáo lợi dụng sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản để lấy trộm. Hành vi lén lút lợi dụng sơ hở của người khác để lấy trộm tài sản thể hiện sự liều lĩnh, bất chấp của bị cáo nhằm lấy được tài sản, biết rõ trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong Nhân dân nhất, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, tuân thủ pháp luật, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, có xem xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị hại đã nhận lại, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị Kiều T đã nhận lại tài sản do bị cáo lấy trộm, không yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành

phổ L có thu giữ đồ vật, tài liệu sau đây:

+ 01 (một) xe mô tô màu đỏ đen, số khung: RPDWCHNPD5 A009819, số máy: VTMJL139FMB001475 (đã qua sử dụng). Bị cáo khai mua sử dụng, xe không có giấy tờ, bị cáo cũng không yêu cầu nhận lại, nên cần tịch thu, phát mãi, nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu đen, (đã qua sử dụng), bị bể màn hình. Đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo cũng có yêu cầu được nhận, nên trả lại cho bị cáo.

+ 01 (một) chìa khóa ống điều số 8 bằng kim loại, 01 (một) đoạn kim loại dài khoảng 3cm, 01 (một) đầu hình lục giác, đầu còn lại hình dẹp (đã qua sử dụng), không còn giá trị sử dụng, bị cáo cũng không có yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1, Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 106; Điều 136; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T **01 (một) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2019.

[2] Xử lý vật chứng:

- Tịch thu, phát mãi, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô màu đỏ đen, số khung: RPDWCHNPD5 A009819, số máy: VTMJL139FMB001475 (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu đen, (đã qua sử dụng), bị bể màn hình.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chìa khóa ống điều số 8 bằng kim loại, 01 (một) đoạn kim loại dài khoảng 3cm, 01 (một) đầu hình lục giác, đầu còn lại hình dẹp (đã qua sử dụng).

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Nguyễn Đức L) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Trần Thanh L) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Chi cục T.H.A TPL;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPL;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh An Giang;
- VKS ND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

Nguyễn Thị Hoa